

Số: 1170/QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2010

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chỉ định tổ chức kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ – CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08/4/2009 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn lao động,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chỉ định các cơ quan, tổ chức sau thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá:

1) Công ty TNHH Một thành viên kiểm định kỹ thuật, an toàn và tư vấn xây dựng, số 4 – Đường Tôn Thất Tùng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2) Trung tâm kiểm định kỹ thuật an toàn ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, số 2 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

3) Trung tâm kiểm định công nghiệp II, Thuộc Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, Bộ Công Thương, số 35-37 Bến Chương Dương (Lầu 2), Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

4) Trung tâm kiểm định và huấn luyện kỹ thuật an toàn Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, số 153, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Phạm vi, đối tượng sản phẩm, hàng hoá được kiểm tra chất lượng nêu tại phụ lục kèm theo.

**Điều 3.** Các tổ chức kỹ thuật có tên tại Điều 1 thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:

1. Thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu đúng theo chức năng của tổ chức kỹ thuật được quy định tại Quyết định số 50/2006/QĐ-TTg ngày 7 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra về chất lượng;

2. Thực hiện chứng nhận sự phù hợp các sản phẩm, hàng hóa là các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 quy định tại Thông tư số 03/2010/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 01 năm 2010 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

**Điều 4.** Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 03 năm. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục An toàn lao động, các tổ chức có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 1, Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cơ quan, tổ chức liên quan;
- Lưu VT, ATLD.



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Bùi Hồng Linh**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ NHÓM 2 THUỘC TRÁCH**  
**NHIỆM VỤ BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**  
 (Phần máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động và công  
 trình vui chơi công cộng)



(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1170/QĐ-LĐTBXH  
 ngày 29 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Căn cứ kiểm tra (đối với tiêu chuẩn là các chỉ tiêu về an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người, môi trường)	Ghi chú
I	CÁC LOẠI MÁY, THIẾT BỊ CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG		
1	Nồi hơi các loại (bao gồm cả bộ quá nhiệt và bộ hâm nước) có áp suất làm việc định mức của hơi trên 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6004:1995);	QCVN:01/2008/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động nồi hơi, bình chịu áp lực	
2	Nồi đun nước nóng có nhiệt độ môi chất trên 115 <sup>0</sup> C (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6004:1995)	TCVN 6004:1995	
3	Các bình chịu áp lực có áp suất làm việc định mức cao hơn 0,7 bar (không kể áp suất thủy tĩnh) (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6153:1996)	QCVN:01/2008/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động nồi hơi, bình chịu áp lực	
4	Bê (xi téc) và thùng dùng để chứa, chuyên chở khí hóa lỏng hoặc các chất lỏng có áp suất làm việc cao hơn 0,7 bar hoặc chất	QCVN:01/2008/BLĐTBXH: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động nồi hơi, bình chịu áp lực	

	lông hay chất rắn dạng bột không có áp suất nhưng khi tháo ra dùng khí có áp suất cao hơn 0,7 bar (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6153:1996)		
5	Hệ thống lạnh các loại (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6104:1996), trừ hệ thống lạnh có môi chất làm việc bằng nước, không khí; hệ thống lạnh có lượng môi chất nạp vào nhỏ hơn 5 kg đối với môi chất làm lạnh thuộc nhóm 1, nhỏ hơn 2,5 kg đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 2, không giới hạn lượng môi chất nạp đối với môi chất lạnh thuộc nhóm 3	TCVN 6104:1996	
6	Đường ống dẫn hơi nước, nước nóng cấp I và II có đường kính ngoài từ 51 mm trở lên, các đường ống dẫn cấp III và cấp IV có đường kính ngoài từ 76 mm trở lên (theo phân loại tại Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6158 và 6159:1996)	TCVN 6158:1996 và TCVN 6159:1996	
13	Trục cáp chở hàng; trục cáp chở người; trục cáp trong các máy thi công, trục tải giếng nghiêng	TCVN 4244-2005	13
14	Pa lăng điện; Palăng kéo tay có tải trọng từ 1.000 kg trở lên	TCVN 4244-2005	14
15	Xe tời điện chạy trên ray	TCVN 4244-2005;	15

		TCVN 5862:1995 đến TCVN 5864:1995;  TCVN 4755:89;  TCVN 5206:1990 đến TCVN 5209:1990	
16	Tời điện dùng để nâng tải, kéo tải theo phương nghiêng; bàn nâng, sàn nâng dùng để nâng người		16
17	Tời thủ công có tải trọng từ 1.000 kg trở lên		17
18	Máy vận thăng nâng hàng; máy vận thăng nâng hàng kèm người; máy vận thăng nâng người	TCVN 4244-2005	18
19	Thang máy các loại	TCVN 5744:1993  TCVN 5866:1995  TCVN 5867:1995  TCVN 6904:2001  TCVN 6905:2001	19
20	Thang cuốn; băng tải chở người	TCVN 6397-1998;  TCVN 6906-2001	
21	Xe nâng hàng dùng động cơ có tải trọng từ 1.000 kg trở lên	TCQT, TCKV, TCNN dùng để chế tạo và các quy trình kiểm định	
22	Xe nâng người: xe nâng người tự hành, xe nâng người sử dụng cơ cấu truyền động thủy lực, xích truyền động bằng tay nâng người lên cao quá 2m	TCQT, TCKV, TCNN dùng để chế tạo và các quy trình kiểm định	

II	CÁC CÔNG TRÌNH VUI CHƠI CÔNG CỘNG		
1	Sàn biểu diễn di động	TCQT, TCKV, TCNN dùng để chế tạo và các quy trình kiểm định do Bộ LĐT BXH ban hành	
2	Trò chơi mang theo người lên cao từ 2m trở lên, tốc độ di chuyển của người từ 3m/s so với sàn cố định (tàu lượn, đu quay, máng trượt, ...) trừ các phương tiện thi đấu thể thao.	TCQT, TCKV, TCNN dùng để chế tạo và các quy trình kiểm định do Bộ LĐT BXH ban hành	
3	Hệ thống cáp treo vận chuyển người	TCQT, TCKV, TCNN dùng để chế tạo và các quy trình kiểm định do Bộ LĐT BXH ban hành	